

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ
PHÁT TRIỂN NÔNG
THÔN
Số: 40/2002/QĐ-BNN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 27 tháng 5 năm 2002

**QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ TRƯỞNG
BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

*Về việc công bố Danh mục thuốc thú y được phép sản xuất, xuất khẩu,
nhập khẩu, lưu hành, sử dụng và hạn chế sử dụng tại Việt Nam năm 2002*

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 73/CP ngày 01/11/1995 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ bản Quy định về thi hành Pháp lệnh Thú y, Điều lệ Quản lý thuốc thú y ban hành kèm theo nghị định số 93/CP ngày 27/11/1993 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 62/2001/TT-BNN ngày 5/6/2001 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn việc xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá thuộc diện quản lý chuyên ngành nông nghiệp theo Quyết định số 46/2001/QĐ-TTg ngày 4/4/2001 của Thủ tướng Chính phủ về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá thời kỳ 2001-2005;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Thú y ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Công bố kèm theo Quyết định này:

- 1/ Danh mục thuốc thú y được phép sản xuất, xuất khẩu.
- 2/ Danh mục thuốc, nguyên liệu làm thuốc thú y được phép nhập khẩu.
- 3/ Danh mục thuốc, nguyên liệu làm thuốc thú y hạn chế sử dụng.

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ban hành. Bãi bỏ các danh mục thuốc thú y ban hành tại Quyết định số 45/2001/QĐ-BNN-TY ngày 18/4/2001 và Quyết định số 98/2001/QĐ-BNN-TY ngày 4/10/2001.

Điều 3: Cục trưởng Cục Thú y, thủ trưởng các cơ quan liên quan, tổ chức, cá nhân trong nước và người nước ngoài có hoạt động liên quan đến sản xuất, kinh doanh, sử dụng thuốc thú y tại Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

DANH MỤC THUỐC THÚ Y ĐƯỢC PHÉP SẢN XUẤT, XUẤT KHẨU

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 40 /2002/QĐ/BNN

ngày 27 tháng 5 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT)

Hà Nội

1. Công ty cổ phần thuốc thú y TW I (vinavetco)

<i>TT</i>	<i>Tên sản phẩm</i>	<i>Hoạt chất chính</i>	<i>Dạng đóng gói</i>	<i>Thể tích/ Khối lượng</i>	<i>Số Đăng ký</i>
	B.complex for oral	Vitamin nhóm B	Gói	30g 100g	TWI-X3-3
	Penicillin G Potasium	Penicillin Potasium	Lọ	1000.000UI 800.000UI	TWI-X3-4
	Streptomycin Sulphate	Streptomycin Sulfate	Lọ	1g	TWI-X3-5
	Tylosin injection	Tylosin tartrate	Lọ	5ml	TWI-X3-6
	Tylosin tartrate	Tylosin tartrate	Gói	0,5g	TWI-X3- 7
	Spectam SH	Spectinomycin	Lọ	5ml	TWI-X3- 8
	AD Polyvix	Vitamin A, D, E,B	Gói	200g	TWI-X3- 9

	Vinamix 200	Vitamin, nguyên tố vi lượng	Gói	200g	TWI-X3- 10
	Cồn Methyl Salicilat	Methyl salicilat	Lọ	50ml	TWI-X3- 12
	Cafein Natribenzoat	Cafein	ống	5ml, 100ml	TWI-X3- 13
	Strychnin Sulphat 0,1%	Strychnin	ống	2ml	TWI-X3- 14
	ADE B.complex	Vitamin A, D,E,B	Túi	150g	TWI-X3- 15
	Neotesol	Neomycin, Oxytetracyclin	Túi	25gr, 30g	TWI-X3- 16
	Scour Solution	Vitamin B, Colistin, Norfloxacin	ống, Lọ	5, 10, 100ml	TWI-X3- 17
	Ampicillin 500	Ampicillin	Lọ	0,5g	TWI-X3- 18
	Vitamin B1 2,5%	Vitamin B1	ống	5ml	TWI-X3- 20
	Vitamin C 5%	Vitamin C	ống	5ml	TWI-X3- 21
	Amino - Polymix	Vitamin, nguyên tố vi lượng	Túi	250g	TWI-X3- 22
	Polyaminovitamix	Vitamin, nguyên tố	Túi	250g	TWI-X3-

		vi lượng			23
	Oxytetracyclin HCl BP	Oxytetracyclin	Lọ, Chai	0,5gr	TWI-X3- 24
	B.complex injection	Vitamin B	Lọ, ống	2, 5ml	TWI-X3- 25
	AD ₃ E hydrovit for oral	Vitamin A, D, E	Lọ	100ml	TWI-X3- 27
	ADEB.complex injection	Vitamin A, D, E,B	Lọ, ống	5, 10, 20, 100, 500ml	TWI-X3- 28
	Kanamycin Sulphat	Kanamycin Sulfate	Lọ	1g	TWI-X3- 30
	Kanamycin 10%	Kanamycin sulfate	Lọ, ống	5, 10, 20, 100ml	TWI-X3- 31
	Gentamycin 4%	Gentamycin Sulfate	Lọ, ống	5, 10, 20, 100ml	TWI-X3- 32
	Kanavet	Kanamycin	ống	5ml	TWI-X3- 33
	Gentatylodex	Tylosin, Gentamycin	ống, Lọ	5, 10, 20, 100ml	TWI-X3- 34
	Analgin	Analginum	ống	2, 5ml	TWI-X3- 35
	Tetramycin 500	Tetracyclin, Vitamin A, D, E	Gói	5g	TWI-X3- 36

	Tetrasulstrep	Oxytetracyclin, Streptomycin	Gói	7gr, 10g	TWI-X3- 37
	Ampisultryl	Ampicillin, Sulfadiazin	Gói	5g	TWI-X3- 38
	Tylosin	Tylosin tartrate	Gói	10, 25g	TWI-X3- 39
	Sulmix-plus	Sulfamethoxazol	Gói	10, 20, 100g	TWI-X3- 40
	Rigecoccin	Rigecoccin	Gói	10g	TWI-X3- 42
	Sterorin	Sterorin	Lọ	10ml	TWI-X3- 43
	Tiamulin hydro fumarat	Tiamulin	Lọ	1g	TWI-X3- 44
	Tiamulin 10%	Tiamulin	ống, Lọ	5, 10, 50ml	TWI-X3- 45
	Premix-Vitamin khoáng	Vitamin, nguyên tố vi lượng	Gói	100, 500, 1000g	TWI-X3- 46
	Calcium fort	Calcigluconate	ống	5, 50, 100, 500ml	TWI-X3- 47
	Levamysol 7,5%	Levamysol	Lọ	5, 10, 20, 100ml	TWI-X3- 48
	Erythracin	Erythromycin,	ống,	5ml, 100ml	TWI-X3-